

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/DS-PT

Ngày: 13- 7 - 2020

“V/v xác định quyền sở hữu tài  
sản để thi hành án”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tấn Tài;

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Văn Hai;

Ông Hoàng Ngọc Linh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Dương Quy Thái - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 334/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện An Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2020/QĐPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020, Thông báo mở lại phiên tòa số: 421/2020/TB-TA ngày 08/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2020/TB-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm: 1978; nơi cư trú: Tổ 01, ấp M, xã H, huyện P, tỉnh G.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị M* là ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1980; nơi cư trú: Khóm 03, phường A, thành phố Đ, tỉnh G.

**- Bị đơn có kháng cáo:**

1. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1970; (có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1971; (có đơn vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Trang Đ, sinh năm 1996.

Cùng cư trú: Tổ 5, ấp An H, thị trấn P, huyện P, tỉnh G.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Trang Đ là: Ông Lê Hùng T, sinh năm 1981; cư trú: Ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh G. (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, Địa chỉ: Ấp T, thị trấn P, huyện P, tỉnh G; (có đơn vắng mặt)

2. Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, địa chỉ: Số 89 H, Đ, thành phố H- Đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đức V – chức vụ: Tổng giám đốc. Chi nhánh cho vay là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V- Chi nhánh G, phòng giao dịch Đ, Địa chỉ: 62, 64 Nguyễn Văn Th, Châu Phú A, thành phố Đ, tỉnh G. Ông Lưu Nhật T, chức vụ Giám đốc phòng giao dịch Đ. (vắng mặt)

(Tại phiên tòa ông Châu, ông Tuấn, bà Phương cùng có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng với các tài liệu kèm theo của nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày: Theo thông báo số 399/TB-CCTHADS của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P ngày 12/7/2019 về việc yêu cầu khởi kiện xác định tài sản của bên bị thi hành án là tài sản phải được thi hành. Bà là người được thi hành án theo Quyết định số 11/2019/QĐST-DS ngày 16/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện P và Quyết định thi hành án số 258/QĐ-CCTHADS ngày 17/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Quá trình thi hành án xác minh thì được biết bà P1 và ông S đã cố ý mượn giấy đất lại và sang tên cho con gái là Nguyễn Trang Đ đứng tên, hiện nay ông S và bà P1 vẫn đang ở và sinh sống tại căn nhà và phần đất trên. Nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định tài sản này là của S bà P1 nhằm tránh việc tẩu tán tài sản để trốn tránh nợ.

Bà M yêu cầu xác định tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 135,7 m<sup>2</sup>, thửa số 61, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05842 cấp ngày 07/6/2018, nhà ở riêng lẻ diện tích 44,2 m<sup>2</sup>, loại 3,2 diện tích sàn 88,4 m<sup>2</sup> này là của bà P1 và ông S. Để Thi hành án tiếp tục cưỡng chế thi hành án lấy lại số tiền mà ông S và bà P1 đã nợ bà M.

Đồng bị đơn ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị P1 cùng trình bày: Trước đây vợ chồng ông, bà có nợ bà M số tiền 416.000.000 đồng, sau đó hai bên có thỏa thuận với nhau tại Tòa án là vợ chồng bà thống nhất số nợ này với bà M, do hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả được số nợ này. Tài sản mà bà M kiện trước đây xác định là của vợ chồng bà nhưng đã sang tên bán cho con là Nguyễn Trang Đ, do vợ chồng bà nợ nhiều người nên con gái đứng ra trả nợ giùm nên vợ chồng sang tên với hình thức bán cho con, Vợ chồng làm thủ tục này vào đầu năm 2018, trước khi thỏa thuận thống nhất nợ với bà M. Hiện tài sản này là của con gái ông, bà, vợ chồng bà không có quyền quyết định. Nay không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trang Đ ủy quyền cho ông Lê Hùng T trình bày: Bà Trang Đ là người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất hợp pháp do đó đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên cũng trình bày thêm do bà Đ đứng ra trả nợ thay cho cha mẹ nên cha mẹ bà Đ sang tên lại cho bà Đ là hoàn toàn hợp lý, nếu bà Đ không đứng ra trả nợ thử hỏi tài sản này còn để bà M khởi kiện yêu cầu xác định hay không. Việc cơ quan thi hành án ghi lời khai của bà P1 và bà Đ như vậy là ông không đồng ý.

Đại diện cục thi hành án dân sự huyện P có đơn xin xét xử vắng mặt, có văn bản xác nhận việc Chi cục thi hành án dân sự huyện P tiến hành ghi nhận lời trình bày của bà Đ và bà P1 là đúng quy định và các đương sự cũng tự đọc lại và nghe chấp hành viên đọc lại biên bản mới ký tên vào biên bản.

Đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng vắng mặt, có cử cán bộ tín dụng đến tham dự mà không có giấy ủy quyền nên xem như Ngân hàng vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 334/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 74 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 133, 299, 317, 320, 323 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326 Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí

**Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M**

Xác định quyền sở hữu tài sản là căn nhà diện tích 44,2 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 88,4 m<sup>2</sup>, cấp hạng loại 3.2 và quyền sử dụng đất tại thửa 61, tờ bản đồ số 17 diện tích 135,7 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05842 ngày 07/6/2018 mang tên Nguyễn Trang Đ là tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị P1.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện P tiếp tục thi hành Quyết định thi hành án số 258/QĐ-CCTHADS ngày 17/01/2019 và xử lý tài sản theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/12/2019, đồng bị đơn bà Nguyễn Thị P1, ông Nguyễn Văn S, ông Lê Hùng T là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đ kháng cáo không đồng ý quyết định của Tòa án nhân dân huyện P xét xử công nhận tài sản nhà và đất tranh chấp theo yêu cầu của bà Mai là thuộc quyền sở hữu của ông S, bà P1, đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện, nhưng đồng bị đơn không đồng ý, vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Lê Hùng T đại diện

theo ủy quyền của bà Đ có yêu cầu kháng cáo bổ sung đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 334/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P do xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà Nguyễn Thị P1, ông Nguyễn Văn S, ông Lê Hùng T người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Trang Đ là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Ngọc C đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị M yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 334/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M; ông Sấm, bà P1, chị Đ phải chịu một nửa án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị P1, ông Nguyễn Văn S, ông Lê Hùng T là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Trang Đ, kháng cáo làm trong hạn luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, Ông S có đơn xin xét xử vắng mặt, Đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị P1, ông Nguyễn Văn S, ông Lê Hùng T là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Trang Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Ông S, bà P1 nợ bà Mai số tiền 416.000.000 đồng, không thanh toán. Vào khoảng tháng 12 năm 2018 bà Mai làm đơn khởi kiện ông S, bà P1 đến Tòa án nhân dân huyện P. Sự việc được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại phần Quyết định: Ông Nguyễn Văn Sấm, bà Nguyễn Thị P1 đồng ý trả cho bà Lê Thị M tổng số tiền 416.000.000 đồng.

Chi cục thi hành án dân sự huyện P ra Quyết định thi hành án số 258/QĐ-CCTHADS ngày 17/01/2019 theo yêu cầu của bà Mai đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019. Sau khi xác minh tài sản của ông S, bà P1 để thi hành án, thì mới phát hiện ông S, bà P1 có tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất diện tích 135,7 m<sup>2</sup>, thửa số 61, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05738 cấp ngày 19/3/2018, nhà ở riêng lẻ diện tích 44,2 m<sup>2</sup> cấp hạng loại 3,3 diện tích sàn 88,4 m<sup>2</sup> do ông S bà P1 đứng tên. Nhưng vào ngày 21/5/2018 ông S, bà P1 đã làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lại cho con là bà Nguyễn Trang Đ và bà Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05842 ngày 07/6/2018. Chi cục thi hành án dân sự huyện P căn cứ vào các biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 22/01/2019; 14/02/2019; 10/4/2019; 29/4/2019 đối với bà Nguyễn Thị P1, bà Nguyễn Trang Đ và bà Lê Thị M đã ra Thông báo về việc yêu cầu khởi kiện số 399/TB-CCTHADS ngày 12/7/2019 hướng dẫn các đương sự khởi kiện ra Tòa án để xác định quyền sở hữu tài sản. Vào ngày 14/8/2019 bà Lê Thị Mai có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện P yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản là căn nhà diện tích 44,2 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 88,4 m<sup>2</sup>, loại 3.2 và quyền sử dụng đất tại thửa 61, tờ bản đồ số 17 diện tích 135,7 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05842 ngày 07/6/2018 mang tên Nguyễn Trang Đ là tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị P1. Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp được giải quyết trong vụ án này là “Tranh chấp yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án” được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 74 Luật thi hành án dân sự.

Việc cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp như trên để giải quyết vụ án có sai sót về quan hệ pháp luật tranh chấp. Bởi lẽ tại Điều 74 Luật thi hành án dân sự quy định: *“Xác định, phân chia, xử lý tài sản chung để thi hành án*

*1. Trường hợp chưa xác định được phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung để thi hành án thì Chấp hành viên phải thông báo cho người phải thi hành án và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất biết để họ tự thỏa thuận phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.*

*Hết thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận vi phạm quy định tại Điều 6 của Luật này hoặc thỏa thuận không được và không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng.*

*Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu Tòa án giải quyết thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự.*

*Chấp hành viên xử lý tài sản theo quyết định của Tòa án.*

2.....

3.....”

Như vậy theo quy định của Điều luật này thì bắt buộc đây phải là khối tài sản chung và ông Sấm, bà Phuong được có phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung này mới được yêu cầu xác định, phân chia, xử lý kỷ phần ông S, bà P1 được hưởng để thi hành án cho bà M. Nhưng theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án ông S, bà P1 đã tặng cho khối tài sản trên lại cho bà Đ, bà Đ được sở hữu riêng lẽ khối tài sản, nên trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm không thể xác định quan hệ pháp luật tranh chấp theo Điều 74 Luật thi hành án dân sự để giải quyết vụ án. Nếu xét thấy trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông S, bà P1 với bà Đ là giả tạo, mà tài sản đã được kê biên thì hướng dẫn đương sự khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp là yêu cầu hủy giấy tờ, giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án theo khoản 2 Điều 75 Luật thi hành án dân sự, hoặc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho vô hiệu.

Do cấp sơ thẩm xác định sai về quan hệ pháp luật tranh chấp, nên đã không làm rõ yêu cầu của đương sự về giao dịch dân sự hợp đồng tặng cho, từ đó dẫn đến ảnh hưởng đường lối giải quyết vụ án. Cấp sơ thẩm đã tuyên : *“Xác định quyền sở hữu tài sản là căn nhà diện tích 44,2 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 88,4 m<sup>2</sup>, loại 3.2 và quyền sử dụng đất tại thửa 61, tờ bản đồ số 17 diện tích 135,7 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05842 ngày 07/6/2018 mang tên Nguyễn Trang Đ là tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Văn Sấm và bà Nguyễn Thị P1.*

*Chi cục Thi hành án dân sự huyện P tiếp tục thi hành Quyết định thi hành án số 258/QĐ-CCTHADS ngày 17/01/2019 và xử lý tài sản theo quy định của Luật thi hành án dân sự”,* nhưng không xử lý về hợp đồng tặng cho giữa ông S, bà P1 với bà Đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS05842 ngày 07/6/2018 vẫn còn do bà Nguyễn Trang Đ đứng tên, sẽ gây khó khăn cho việc thi hành án về sau cũng như chưa giải quyết dứt điểm vụ án.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc C người đại diện theo ủy quyền của bà M trước phiên tòa phúc thẩm xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M, nhưng không được các bị đơn bà P1, ông T người đại diện theo ủy quyền của bà Đ chấp nhận, nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Từ những nhận định trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều sai sót khi xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên yêu cầu kháng cáo của Bà P, ông S, ông T người đại diện theo ủy quyền của bà Đ là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, do đó cần hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 334/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Ngoài ra cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, khi phát hành bản án phải kiểm tra lại để tránh những sai sót như sau:

- Tại trang 4 dòng thứ 23 từ trên xuống của bản án gốc có thể hiện nội dung: *“Hiện nay các tranh chấp liên quan đến tài sản phải thi hành và tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo luật thi hành án tại các Điều 74, Điều 75 Luật thi hành án diễn ra khá nhiều, ảnh hưởng đến công tác thi hành bản án của Tòa án do đó việc các đương kéo dài thời gian tranh chấp tài sản sẽ ảnh hưởng đến công tác thi hành án, cần phải được giải quyết triệt để”*. Nhưng trong Bản án phát hành tại trang 4 dòng thứ 23 từ trên xuống lại không có nội dung này.

- Tại trang 6 dòng thứ 9 từ trên xuống phần Quyết định thể hiện: *“Căn cứ vào Điều 74, Điều 75 Luật thi hành án dân sự”*. Bản án phát hành lại thể hiện: *“Căn cứ vào Điều 74 Luật thi hành án dân sự”*.

Những sai sót khi phát hành bản án như đã nêu trên cũng không được cấp sơ thẩm phát hiện và ra thông báo sửa chữa, bổ sung bản án.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận nên bà P, ông S, ông Lê Hùng T người đại diện theo ủy quyền của bà Đ không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đồng bị đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị P, ông Lê Hùng T người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Trang Đ.

- Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 334/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh G, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh G giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị P, ông Lê Hùng T người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Trang Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị P số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011693 ngày 04/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh G.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn S số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011692 ngày 04/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh G.

Hoàn trả lại cho ông Lê Hùng T người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Trang Đ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011768 ngày 12/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh G.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh G;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Tấn Tài**